

TỔNG HỢP 05 BẢN ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI ĐƯA HỒI LỘ

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	505/2021/HS-PT	20/12/2021	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	<p>Bản án số 505/2021/HS-PT ngày 20/12/2021 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh G; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Dự án nhà máy thủy điện S được Thủ tướng Chính phủ đồng ý phê duyệt và cho phép Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ủy nhiệm lại cho Tổng Công ty P 2 (là đơn vị trực thuộc EVN) làm chủ đầu tư xây dựng.</p> <p>Để triển khai việc đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực lòng hồ Thủy điện S, trên cơ sở hợp đồng dịch vụ, tư vấn số 478 ngày 11/9/2008 đã ký giữa Công ty cổ phần Thủy điện T với Trung tâm Kỹ thuật - Tài nguyên môi trường (TNMT) - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam về việc tư vấn, đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập bản đồ địa chính phục vụ điều tra thiệt hại và xin cấp đất xây dựng công trình thủy điện S. Ngày 10/02/2010, Ban quản lý Thủy điện S và Trung tâm Kỹ thuật TNMT tỉnh Quảng Nam bổ sung Hợp đồng số 62 giao cho Trung tâm Kỹ thuật TNMT tỉnh Quảng Nam thực hiện việc tư vấn, đo đạc cắm mốc ranh giới, lập bản đồ địa chính phục vụ điều tra thiệt hại và xin cấp đất vùng lòng hồ thủy điện S. Sau khi ký bổ sung hợp đồng, Trung tâm Kỹ thuật TNMT tỉnh Quảng Nam giao cho Đội sản xuất số 2 thực hiện. Phan Tấn N (Đội trưởng) phân công tổ công tác gồm: Nguyễn Đức T, Phan Tấn T, Trương H, Hứa Tấn S và Đinh Công N là những nhân viên hợp đồng dài hạn của Trung tâm tiến hành đo đạc lập hồ sơ giải thửa diện tích đất bị ảnh hưởng vùng lòng hồ thủy điện S thuộc địa bàn huyện N, tỉnh Quảng Nam.</p> <p>Theo quy định, thì trước khi đo vẽ chi tiết phải phối hợp với chính quyền địa phương cùng người sử dụng đất</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1-q4L_YFFc_wFt-SkqTLxLcfKA2Mi1vZ5g/view?usp=sharing</p>

xác định chính xác ranh giới sử dụng đất của từng chủ sử dụng. Tuy nhiên, tháng 3/2010, khi lên xã L và C để thực hiện việc đo đạc, Nguyễn Đức T, Trương H, Phan Tấn T, Hứa Tấn S và Đinh Công N đã không thực hiện đúng quy trình trên mà gặp anh em Huỳnh G và Huỳnh Văn H có Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T đặt địa điểm kinh doanh tại xã L.

Khi gặp, Huỳnh G nói với nhóm cán bộ Trung tâm Kỹ thuật TNMT tỉnh Quảng Nam lập hồ sơ giải thửa diện tích đất vùng lòng hồ cho anh em Huỳnh G và Huỳnh Văn H. Sau đó, G dẫn nhóm cán bộ này vào đo đạc, bấm tọa độ khu vực đất dọc hai bờ sông Bung ở phía trên đập chính của công trình Thủy điện S thuộc địa phận của 02 xã L và C. Sau khi đo xong, Huỳnh G cung cấp danh sách tên của 29 hộ dân ở xã L, Huỳnh Văn H cung cấp danh sách tên của 18 hộ dân ở xã C cho nhóm cán bộ để đưa vào hồ sơ giải thửa nhận tiền đền bù. Sau đó, H và G yêu cầu các hộ dân có tên photo sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (CMND) nộp để làm hồ sơ đền bù. Đo đạc tại khu vực xã L xong, nhóm cán bộ đo đạc về thì Huỳnh G đưa cho tổ công tác gồm T, T, H, S và N số tiền 10 triệu đồng (mỗi người 02 triệu đồng) và hứa hẹn khi nào nhận được tiền đền bù sẽ bồi dưỡng tiếp.

Sau khoảng 01 tuần, nhóm cán bộ tiếp tục đo đạc tại địa bàn xã C. Lần này Đinh Công N không tham gia mà chỉ có 04 người gồm Nguyễn Đức T, Trương H, Phan Tấn T và Hứa Tấn S. Căn cứ vào kết quả phê duyệt, Ban quản lý Dự án Thủy điện S đã chuyển số tiền đền bù là 11.725.144.750 đồng cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện N chi trả cho 52 hộ dân vào tháng 10/2012. Sau khi được nhận tiền, Huỳnh G điện thoại cho Nguyễn Đức T và Trương H lên nhà G ở tỉnh Quảng Nam để lấy tiền. Huỳnh G đưa cho Nguyễn Đức T 40 triệu đồng (trong đó có 30 triệu đồng là tiền nhờ đo đạc làm thêm 03 hồ sơ bổ sung cho xã L). Nguyễn Đức T khai sau khi nhận đem về đưa cho Phan Tấn N 10 triệu đồng (N không thừa nhận), còn phần T 30 triệu đồng. Huỳnh G đưa cho Trương H 20 triệu đồng và gửi cho Phan Tấn T, Hứa Tấn S mỗi người 05 triệu đồng. Sau khi nhận tiền ở nhà G, T và H sang nhà Huỳnh Văn H. H đưa cho T, H mỗi người 13 triệu đồng và gửi cho T, S mỗi người 07 triệu đồng.

Như vậy, qua việc đo đạc, lập hồ sơ giải thửa cho một số hộ dân ở hai xã L và C, Huỳnh G đã đưa hối lộ cho nhóm cán bộ Trung tâm Kỹ thuật TNMT tỉnh Quảng Nam số tiền 78 triệu đồng.

Ngoài hành vi đưa hối lộ đã bị khởi tố, quá trình điều tra xác định Huỳnh G còn có hành vi lấy sổ hộ khẩu, CMND của 06 hộ dân xã L để cung cấp cho tổ đo đạc làm hồ sơ đền bù. Khi chi trả tiền bồi thường hỗ trợ, 06 hộ dân ký nhận tiền theo danh sách với tổng số tiền là 1.111.539.250 đồng. Ngay sau khi nhận thì G lấy hết và chỉ đưa lại cho họ 288.400.000 đồng. Ngoài ra, Huỳnh G còn tự kê khai đứng tên một thửa đất tại khu vực lòng hồ để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 228.225.750 đồng. Huỳnh G và anh ruột là Huỳnh Văn H cùng làm chung đơn xác nhận để được đền bù.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

				<p>Tuyên bố bị cáo Huỳnh G phạm tội “Đưa hối lộ”.Xử phạt bị cáo Huỳnh G 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh G; 2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: điểm đ khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, 2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 355 3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
2.	222/2022/HS-PT	21/04/2022	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 222/2022/HS-PT ngày 21/04/2022 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: đưa hối lộ <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Quyết định số 1305/QĐ-UBND, ngày 10/8/2010 của UBND huyện Tuy Đức giao cho cộng đồng bon Bu Koh, xã Đăk R’Tih quản lý bảo vệ, sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp theo quy hoạch của phương án đã được phê duyệt. Cộng đồng bon Bu Koh có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định của pháp luật. Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2015, có một số diện tích rừng thông bị chết do khai thác nhựa</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1t8YPnmuVzMg2Ao4YUXA54O94QyBm9G_e/view?usp=sharing</p>

thông, thời tiết nắng nóng làm cháy thực bì nên sức chống chịu của cây yếu và chết. Ngày 15/3/2016, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông, Hạt kiểm lâm huyện Tuy Đức và Ban quản lý rừng cộng đồng bon Bu Koh đã tiến hành kiểm tra và kiến nghị giải pháp xử lý là cắt dọn những cây thông chết, khô, mục gãy đổ để trồng lại rừng.

Đến khoảng đầu tháng 8/2017, LXD biết được thông tin về chủ trương cho khai thác thông chết, gãy đổ trong khu vực rừng thông do cộng đồng bon Bu Koh quản lý nên đã rủ TTD liên hệ với NVM là Chủ tịch UBND xã Đắk R'Tih để nhờ giúp đỡ. Để được đồng ý cho khai thác, LXD và TTD đã bàn bạc và thống nhất đưa cho NVM 200.000.000 đồng. Sau đó, LXD và TTD đến nhà NVM đưa cho NVM 200.000.000 đồng và NVM đồng ý cho LXD và TTD khai thác thông trong khu vực nêu trên. Sau khi nhận tiền, NVM đã đưa cho THA là Kiểm lâm địa bàn xã Đắk R'Tih 50.000.000 đồng và nói là tiền của LXD và TTD đưa để xin được khai thác thông. Đồng thời NVM chỉ đạo THA đưa LXD và TTD vào chỉ vị trí khai thác và làm thủ tục để LXD và TTD được khai thác thông. Mặc dù chưa có văn bản đồng ý của UBND huyện Tuy Đức nhưng NVM đã cho phép LXD và TTD khai thác thông chết ở khu vực gần bờ đập thôn 4, xã Đắk R'Tih. Để thực hiện việc khai thác, LXD và TTD rủ thêm nhiều người khác cùng tham gia quản lý, chỉ đạo trong quá trình khai thác rừng thông và thỏa thuận sau khi khai thác xong sẽ chia lợi nhuận.

Ngày 18/9/2017, UBND huyện Tuy Đức ban hành Công văn số 1334/CV-UBND, về việc đồng ý cho cộng đồng bon Bu Koh thực hiện cắt dọn và tận dụng củi thông bị chết để thời trồng lại rừng năm 2017. Giao cho UBND xã Đắk R'Tih kiểm tra, giám sát, theo dõi trong quá trình thực hiện cắt dọn, tận dụng củi thông và nghiệm thu. Ngày 20/9/2017, NVM đã chỉ đạo THA và HVH thực hiện ký kết hợp đồng khai thác với LXD trên diện tích 09,6 ha, tuy nhiên thực tế việc khai thác đã được thực hiện ra từ cuối tháng 8/2017.

Để tạo điều kiện cho LXD và TTD thực hiện việc khai thác, vận chuyển gỗ, củi thông được thuận lợi NVM, THA và HVH đã ký xác nhận không các văn bản về kiểm kê lâm sản, biên bản xác minh nguồn gốc gỗ đã khai thác trước khi có văn bản đồng ý cho khai thác, tận thu của UBND huyện Tuy Đức.

Sau khi thực hiện xong hợp đồng thứ nhất, TTD và LXD tiếp tục liên hệ nhờ NVM, HVH và THA được ký hợp đồng khai thác diện tích còn lại. Đến khoảng đầu tháng 10/2017 TTD và HVH ký tiếp hợp đồng khai thác thông chết, mục, gãy đổ trên diện tích 05,8 ha. Sau khi ký hợp đồng này, TTD và LXD thống nhất đưa thêm cho NVM số tiền 150.000.000 đồng để NVM tiếp tục tạo điều kiện giúp đỡ cho việc khai thác.

Nhận thấy chỉ khai thác thông chết, gãy đổ thu được ít lợi nhuận nên LXD và TTD thống nhất khai thác, cắt tỉa cả cây thông đang phát triển bình thường. NLQ và TNS mặc dù biết việc khai thác thông đang phát triển bình thường là không được phép nhưng vẫn đồng ý tham gia khai thác theo sự chỉ đạo của TTD. Quá trình thực hiện còn có nhiều người giúp sức khác. Ngày 20/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông tiến hành kiểm tra, phát hiện TLC, TLA và NR đang thực hiện việc cắt thông phát triển bình thường.

Sau khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông phát hiện việc khai thác thông tươi trái phép, LXD

đã yêu cầu NVM trả lại cho LXD số tiền 300.000.000 đồng.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-P3 ngày 16/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo:

- TTD và LXD về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 232 và điểm đ, e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự.
- NLQ và TNS về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.
- NVM về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.
- THA và HVH về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên: Các bị cáo NVM, THA và HVH phạm tội “Nhận hối lộ”; các bị cáo TTD và LXD phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” và tội “Đưa hối lộ”; các bị cáo NLQ và TNS phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.
2. Xử phạt NVM 09 (chín) năm tù, tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2018 đến ngày 09/10/2018. Cấm NVM đảm nhiệm chức vụ trong 03 (ba) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.
3. Xử phạt THA 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm THA đảm nhiệm chức vụ trong 03 (ba) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.
4. Xử phạt HVH 02 (hai) năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.
5. Xử phạt LXD 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ” và 02 (hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Hình phạt chung cả hai tội là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, tính từ bị bắt đi thi hành án và được trừ thời bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/4/2018 đến ngày 10/01/2019.
6. Xử phạt TTD 03 (ba) năm tù về tội “Đưa hối lộ” và 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Hình phạt chung cả hai tội là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2018.

			<p>7. Xử phạt TNS 01 (một) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 18/9/2018.</p> <p>8. Xử phạt NLQ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 01/3/2018.</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo NVM, HVH, THA và LXD. Hủy phần tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS- 2. ST ngày 07/6/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông, về “Tội đưa hối lộ” và “Tội nhận hối lộ”, đối với các bị cáo LXD, TTD, NVM, THA và HVH. 3. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông điều tra lại vụ án. 4. Các quyết định về tội danh, hình phạt, án phí hình sự sơ thẩm của “Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, đối với các bị cáo LXD, TTD, NLQ, TNS; các quyết định về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp quy định tại mục [2] phần quyết định của bản án sơ thẩm (trừ mục [2.3]) không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật hình sự 2015: Điều 354; điểm a, v, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm a khoản 1 Điều 232; 2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
3.	57/2022/HS-PT	08/07/2022	<p>Bản án số 57/2022/HS-PT ngày 08/07/2022 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</p> <p>Thông tin chung:</p>	https://drive.google.com/file/d/14LuTuOtJjMe0cpDYwZofc

			<p>TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Nguyễn Văn S, Trương Trí H "Đưa hối lộ" và "Nhận hối lộ" <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Vào năm 2018, Trương Hùng T nhận chuyển nhượng một thửa đất nông nghiệp, tọa lạc tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.</p> <p>Tháng 10/2019, do có nhu cầu về nhà ở nên T đã đặt vấn đề với Phạm Văn N – là thầu xây dựng nhà xây cho T một căn nhà tại thửa đất trên. Sau khi trao đổi, Nam đồng ý nhận thầu với giá tiền công là 1.400.000 đồng/m2. Biết rõ đất thuộc sở hữu của mình là đất nông nghiệp, không được phép xây nhà ở nên T nhờ Nam kết nối rồi chung chi tiền cho người có thẩm quyền thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để T xây được nhà không phép. Nam đồng ý sẽ tìm hiểu và báo với T sau.</p> <p>Sau đó, Nam gặp Nguyễn Văn S là cán bộ Đô thị - Xây dựng thuộc UBND phường 11, thành phố Vũng Tàu để trao đổi với S việc T muốn xây dựng nhà không phép. Khi nghe Nam nói vậy, S yêu cầu Nam phải đưa cho S số tiền 120.000.000 đồng để S làm ngơ, không kiểm tra, xử lý việc xây nhà trái phép của T. Nam báo lại T, T đã đồng ý đưa tiền cho Nam, rồi Nam đưa lại cho S. Đến tháng 08/2020, căn nhà đã xây dựng hoàn thiện mà không bị xử lý.</p> <p>Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu đã đưa Trương Hùng T, Phạm Văn N, Nguyễn Văn S xác định địa điểm căn nhà xây trái phép gần biển nhà số 1033/39A đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hiện căn nhà nói trên đã xây dựng hoàn thiện, gia đình của T đang sử dụng để ở. Xác minh tại UBND phường 11, thành phố Vũng Tàu xác định căn nhà nói trên không có hồ sơ xây dựng và chưa bị xử phạt hành chính về hành vi xây dựng trái phép.</p> <p>Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn S, Trương Hùng T và Nguyễn Văn Nam khai nhận hành vi phạm tội như trên.</p> <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p>	<p>FesVO5WSOE3/view?usp=sharing</p>
--	--	--	---	--

				<ol style="list-style-type: none"> 1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Nhận hối lộ”; bị cáo Trương Hùng T phạm tội “Đưa hối lộ”; bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Môi giới hối lộ”; 2. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021; 3. Tuyên phạt bị cáo Trương Hùng T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đây từ ngày 13/5/2021 đến ngày 04/8/2021 <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <p>Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S và chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Hùng T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 54/2022/HS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Trương Hùng T:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn S 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021. 2. Tuyên phạt bị cáo Trương Hùng T 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2021 đến ngày 04/8/2021. 3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là số tiền thu lợi bất chính do bị cáo Nguyễn Văn S nộp theo biên lai thu tiền số 0000692 ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật hình sự 2015: điểm c Khoản 2 Điều 354; điểm r, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 38; điểm e Khoản 2 Điều 364 2. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm c Khoản 1 Điều 357 3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
4.		05/01/2023		Bản án số 05/2023/HS-PT ngày 05/01/2023 của TAND tỉnh Sơn La	https://drive.google.com/file/d/1a10EGMJcFt

	<p>05/2023/HS-PT</p>		<p>TAND tỉnh Sơn L</p>	<p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Sơn La - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Sửa án sơ thẩm <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Khoảng đầu tháng 7 năm 2021, Nguyễn Thị Thùy N nhờ Cao Trường S mang hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Đào Duy A và Nguyễn Văn Qu tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (do Đào Duy A nhờ N làm thủ tục chuyển nhượng) đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn để hỏi chi phí làm nhanh thủ tục chuyển nhượng (không thực hiện thủ tục hành chính theo trình tự quy định).</p> <p>S đồng ý và mang hồ sơ đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn được Lò Văn L1 - Viên chức của Chi nhánh hướng dẫn lên gặp Phạm Văn P - Quyền giám đốc Chi nhánh. Tại phòng làm việc của P, S đưa hồ sơ cho P xem và hỏi chi phí để làm nhanh các thủ tục chuyển nhượng, P trả lời muốn làm thủ tục nhanh thì hết 10.000.000 đồng và đưa trả lại hồ sơ cho S để bổ sung một số thủ tục còn thiếu. S quay về đưa N bộ hồ sơ và nói nội dung đã trao đổi với P.</p> <p>Khoảng 18 giờ 22 phút ngày 28/7/2021, N gọi điện báo S đến nhà lấy hồ sơ chuyển nhượng của Đào Duy A. Khoảng 20 giờ cùng ngày, S đến nhà N, N đưa hồ sơ và 5.000.000 đồng báo S đưa trước cho P, số tiền còn lại khi nào làm xong thủ tục thì đưa nốt cho P. S gọi điện thoại thỏa thuận nội dung này với P, P đồng ý (cuộc gọi điện trao đổi được S ghi âm bằng điện thoại di động). N đưa cho S 01 chiếc bút màu đen có chức năng ghi âm, ghi hình và bảo S quay Video lại sự việc đưa hồ sơ và tiền cho P, mục đích của N để chứng minh cho gia đình Đào Duy A biết việc nhờ làm thủ tục nhanh hồ sơ chuyển nhượng đất.</p> <p>Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 29/7/2021, Cao Trường S gắn chiếc bút ghi âm, ghi hình tại túi áo sơ mi trước ngực đang mặc rồi cầm hồ sơ và 5.000.000 đồng đi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn đưa tiền và hồ sơ cho P. P để tiền xuống bàn rồi kiểm tra hồ sơ thấy thừa một số đơn nên báo S khắc phục. Khi S đi ra khỏi phòng làm việc của P xuống tầng một. Do nghi ngờ S ghi âm, ghi hình mình nên P cầm theo túi hồ sơ S vừa đưa bên trong có 5.000.000 đồng đưa lại cho S và bảo S cầm hồ sơ ra bộ phận một cửa của UBND huyện Mai Sơn đưa cho Lò Văn L1 để tiếp nhận.</p> <p>Khi S cầm túi hồ sơ ra xe ô tô để đi đến bộ phận một cửa tìm gặp L1 thì P nói với Vũ Đức M1 là Viên chức của</p>	<p>yki7x8IIKK7bBSfNgh4aX9/view?usp=sharing</p>
--	-----------------------------	--	-------------------------------	---	---

Chi nhánh nói về việc P nghi ngờ S ghi âm, ghi hình cuộc nói chuyện trao đổi giữa P với S tại phòng làm việc. M1 bảo P gọi điện thoại yêu cầu S quay lại phòng của P. Khi S quay lại, P hỏi S về chiếc bút S vừa dùng để ghi âm ghi hình, S nói để dưới ô tô, P bảo M1 đi cùng S ra xe ô tô lấy chiếc bút. Trong lúc vào xe ô tô, S tháo thẻ nhớ của chiếc bút lắp vào điện thoại di động rồi gửi một File ghi âm, ghi hình quá trình S tiếp xúc, trao đổi với P vào ZALO tên “Gà” của Nguyễn Thị Thùy N rồi cầm chiếc bút đi lên phòng làm việc của P. S thừa nhận ghi âm, ghi hình, đưa tiền cho P giúp làm nhanh thủ tục hồ sơ chuyên nhượng quyền sử dụng đất theo yêu cầu của N.

P yêu cầu S phải xóa hết toàn bộ nội dung ghi âm, ghi hình cuộc nói chuyện lưu trong chiếc bút và điện thoại của S, S đã tự xóa các đoạn ghi âm ghi hình trước đó (*tuy nhiên trước khi xóa, S đã kịp gửi cho N File ghi âm cuộc gọi của S cho P vào tối ngày 28/7/2021 và File ghi âm cuộc gọi nói chuyện của S với P vào sáng ngày 29/7/2021*).

Khi S đang ở phòng làm việc của P thì Ngô Văn B, trú tại tiểu khu K, thị trấn HL, huyện Mai Sơn gọi điện nhờ S đi nộp thuế đất nên S đến Chi cục thuế huyện Mai Sơn để nộp tiền thuế cho B nhưng do không đem theo tiền nên S đã lấy 2.850.000 đồng trong tập tiền 5.000.000 đồng do P trả lại để sử dụng nộp thuế đất cho B nên khi P yêu cầu S quay lại phòng làm việc của P để nộp lại số tiền trước đó S đưa cho P chỉ còn 2.150.000 đồng.

P gọi nhân viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn lập biên bản sự việc trên đồng thời niêm phong số tiền trên cùng với chiếc bút, hồ sơ đất và chiếc điện thoại của S và yêu cầu S ký vào biên bản. Sau đó, P làm đơn tố giác Cao Trường S về hành vi đưa hối lộ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn để nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 25/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn thì hành bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Văn P về tội Nhận hối lộ và Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S về tội Đưa hối lộ.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội Nhận hối lộ. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ 30 ngày tạm giữ, tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Phạm Văn P trong các cơ quan có chức năng thực hiện đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai và cung cấp thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật với thời hạn 01 năm.

			<p>2. Áp dụng khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S phạm tội Đưa hối lộ.</p> <p>Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy N 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 30 ngày.</p> <p>Xử phạt bị cáo Cao Trường S 10 (mười) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 30 ngày.</p> <p>Về phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo N, S.</p> <p>Toà án phúc thẩm tuyên:</p> <p>Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S - Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:</p> <p>1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội Nhận hối lộ.</p> <p>Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05 tháng 01 năm 2023).</p> <p>Về hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với Phạm Văn P trong các cơ quan có chức năng thực hiện đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai và cung cấp thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật với thời hạn 01 năm.</p> <p>2. Áp dụng khoản 1 Điều 364; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S phạm tội Đưa hối lộ.</p> <p>Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy N 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05 tháng 01 năm 2023).</p>	
--	--	--	---	--

			<p>Xử phạt bị cáo Cao Trường S 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 05 tháng 01 năm 2023).</p> <p>Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thùy N, Cao Trường S.</p> <ol style="list-style-type: none">3. Giao các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Thị Thùy N cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mai Sơn; Địa chỉ: Tiểu khu K, thị trấn HL, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.4. Giao các bị cáo Cao Trường S cho Ủy ban nhân dân xã CS, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.5. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.6. Ghi nhận: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy N đã nộp 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền truy thu sung ngân sách Nhà nước theo Biên lai thu tiền số: 0001122 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số: 131/2022/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật hình sự 2015: Điều 38, 51, 58, 354, 3642. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 3573. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án	
--	--	--	---	--

5.	178/2023/ HS-PT	30/03/2023	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 178/2023/HS-PT ngày 30/03/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Đưa hối lộ <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2014 đến tháng 8/2015, Nguyễn Văn T, Lê Thị Cẩm V cùng các đồng phạm đã thực hiện hành vi in các lô gô bán cho các lái xe, chủ xe ô tô tải thường lưu thông trên địa bàn các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh để thu tiền, rồi dùng một phần tiền thu được đưa cho lực lượng Thanh tra giao thông, Cảnh sát giao thông, để không bị kiểm tra, xử phạt về vi phạm chở hàng quá tải, nếu những xe đã mua lô gô mà vẫn bị xử phạt thì T, V đóng phạt thay cho xe đã mua lô gô.</p> <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 06-01-2018. 2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn T1 03 (ba) năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 06-01-2018. 3. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Trọng N1 03 (ba) năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 20-05-2017. 	<p>https://drive.google.com/file/d/1wI21dfsrEun_aUSHlrEyP8a5bzhKzgCG_/view?usp=sharing</p>
----	--------------------	------------	--	---	--

- | | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | <p>4. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.</p> <p>5. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 03 (ba) năm tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 20-05-2017.</p> <p>6. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Buộc các bị cáo nộp lại tiền để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp lại 4.024.400.000 đồng.- Buộc bị cáo Lê Thị Cẩm V nộp lại 2.058.000.000 đồng.- Buộc bị cáo Huỳnh Tấn T1 nộp lại 48.000.000 đồng.- Buộc bị cáo Mai Văn T11 Em nộp lại 195.000.000 đồng.- Buộc bị cáo Nguyễn Cảnh C3 nộp lại 1.259.887.800 đồng.- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P1 nộp lại 15.600.000 đồng.- Buộc bị cáo Trần Quốc T8 nộp lại 360.000.000 đồng.- Buộc bị cáo Nguyễn Minh T5 nộp lại 36.400.000 đồng.- Buộc bị cáo Nguyễn Mai Hữu N3 nộp lại 1.000.000 đồng. <p>7. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T (13 năm tù về tội “Đưa hối lộ”); Trần Quốc T8 (09 năm tù về tội “Đưa hối lộ”); Nguyễn Cảnh C3 (07 năm tù về tội “Môi giới hối lộ”); Mai Văn Thái E (02 năm 04 tháng 10 ngày tù về tội “Đưa hối lộ”); Nguyễn Mai Hữu N3 (01 năm 08 tháng 25 ngày tù về tội “Đưa hối lộ”); phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật</p> | |
|--|--|--|--|--|

Toà án phúc thẩm tuyên:

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Cẩm V, Huỳnh Tấn T1, Trần Trọng N1, Nguyễn Văn P1 và Nguyễn Minh T5. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 222/2022/HS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tuyên xử:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm V 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng 10 (mười) ngày tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 06-01-2018.
2. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn T1 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng 10 (mười) ngày tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 06-01-2018.
3. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Trọng N1 01 (một) năm 08 (tám) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 20-05-2017.
4. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 01 (một) năm 08 (tám) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-8-2015 đến ngày 20-05-2017.
5. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T5 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Tuyên giao bị cáo Nguyễn Minh T5 cho UBND phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật cư trú.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm V về yêu cầu không buộc bị cáo nộp số tiền

			<p>477.000.000 đồng.</p> <p>7. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Lê Thị Cẩm V nộp lại 2.058.000.000 đồng (bao gồm số tiền thu lợi bất chính là 1.581.000.000 đồng và số tiền đưa hối lộ 477.000.000 đồng. Số tiền gia đình bị cáo V đã nộp và thu giữ của bị cáo V trong quá trình điều tra sẽ được trả lại sau khi thi hành xong số tiền 2.058.000.000 đồng nêu trên trong giai đoạn thi hành án).</p> <p>8. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật hình sự 2015: điểm e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 512. Bộ luật tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 3573. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án	
--	--	--	---	--